

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ  
KHOAN DẦU KHÍ**

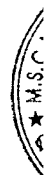
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 35



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Văn Khanh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015)
Ông Đỗ Đức Chiến	Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015)
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên
Bà Phạm Thị An Bình	Thành viên
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2015)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

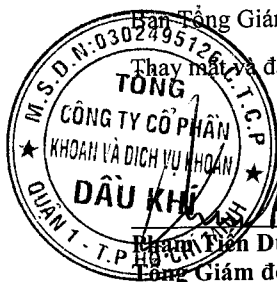
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Số: 381 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 23 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Quang Trung**

**Phó Tổng Giám đốc**

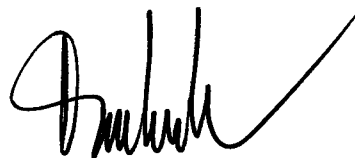
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



**Bùi Văn Trịnh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1808-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>257.982.030</b>	<b>308.462.504</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>114.872.445</b>	<b>109.333.206</b>
1. Tiền	111		65.937.033	26.994.104
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.935.412	82.339.102
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>26.135.568</b>	<b>467.727</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	26.135.568	467.727
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>99.345.231</b>	<b>178.409.468</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	86.644.159	149.312.652
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.147.320	3.958.274
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	10.582.570	25.136.841
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(28.818)	(9.568)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	11.269
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>15.766.731</b>	<b>17.905.366</b>
1. Hàng tồn kho	141		20.409.800	19.751.218
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.643.069)	(1.845.852)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.862.055</b>	<b>2.346.737</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		597.889	932.883
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.264.166	1.413.854
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>489.922.166</b>	<b>528.157.722</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>525.761</b>	<b>28.786.515</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	525.761	28.786.515
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>349.331.358</b>	<b>375.010.285</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	343.009.007	368.234.506
- Nguyên giá	222		551.273.443	547.977.051
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(208.264.436)	(179.742.545)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	6.322.351	6.775.779
- Nguyên giá	228		10.773.493	10.362.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.451.142)	(3.587.220)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>373.344</b>	<b>2.142.921</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	373.344	2.142.921
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>138.320.610</b>	<b>121.672.874</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	120.294.164	107.622.964
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	15	18.026.446	14.049.910
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.371.093</b>	<b>545.127</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		39.968	139.854
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.331.125	405.273
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>747.904.196</b>	<b>836.620.226</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>191.932.371</b>	<b>322.598.622</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>108.946.707</b>	<b>193.531.183</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	43.340.484	65.899.730
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	4.325.503	16.709.077
3. Phải trả người lao động	314		3.039.814	3.315.692
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	8.626.618	43.579.227
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		13.376.796	925.203
6. Vay ngắn hạn	320	20	17.200.000	39.749.127
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	11.451.691	16.496.220
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.585.801	6.856.907
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>82.985.664</b>	<b>129.067.439</b>
1. Vay dài hạn	338	22	41.988.277	95.184.350
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	6.111.010	2.372.991
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	34.886.377	31.510.098
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>555.971.825</b>	<b>514.021.604</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>555.971.825</b>	<b>514.021.604</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		181.630.323	161.095.191
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		181.630.323	161.095.191
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		126.770.844	126.770.844
3. Cổ phiếu quỹ	415		(966.501)	(17.257)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(2.299.523)	(806.512)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		58.538.325	51.714.543
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		192.298.357	175.264.795
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		134.150.061	94.448.841
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		58.148.296	80.815.954
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>747.904.196</b>	<b>836.620.226</b>

Phạm Văn Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Hồ Ngọc Yên Phương  
Phó Tổng Giám đốcĐoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởngTrần Kim Hoàng  
Người lập biểu

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		402.599.402	637.462.962
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	27	402.599.402	637.462.962
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	324.433.492	518.893.005
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		78.165.910	118.569.957
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	39.689.046	43.849.793
6. Chi phí tài chính	22	31	8.082.426	6.534.854
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.402.392	2.905.656
7. Chi phí bán hàng	25		1.479.398	1.283.116
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	28.751.890	35.909.852
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		79.541.242	118.691.928
10. Thu nhập khác	31		371.167	2.276.271
11. Chi phí khác	32		12.757	173.831
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		358.410	2.102.440
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		79.899.652	120.794.368
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	11.129.089	21.590.639
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	(925.852)	(405.273)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>69.696.415</u>	<u>99.609.002</u>

Phạm Tiên Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Hò Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốcĐoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởngTrần Kim Hoàng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: USD

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>79.899.652</b>	<b>120.794.368</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	32.468.367	31.794.730
Các khoản dự phòng	03	1.509.957	1.006.805
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	885.456	13.966
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(38.158.782)	(41.713.500)
Chi phí lãi vay	06	1.402.392	2.905.656
Các khoản điều chỉnh khác	07	3.881.415	4.916.416
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>81.888.457</b>	<b>119.718.441</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	58.675.573	(21.772.928)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(658.582)	(4.100.947)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(49.248.625)	44.394.055
Thay đổi chi phí trả trước	12	434.880	1.837.937
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.481.366)	(3.252.021)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(15.516.231)	(17.749.047)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.197.129	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.125.551)	(6.067.185)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>70.165.684</b>	<b>113.008.305</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(6.433.118)	(5.630.479)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	80.608	362
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.430.958)	(23.181.159)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.346.470	23.181.159
5. Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác	25	(12.671.200)	(24.901.958)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	299.847
7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.778.496	34.027.884
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.329.702)</b>	<b>3.795.656</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(949.244)	(17.257)
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(32.549.564)	(67.047.229)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.579.602)	(25.953.108)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(54.078.410)</b>	<b>(93.017.594)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>5.757.572</b>	<b>23.786.367</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>109.333.206</b>	<b>85.499.687</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(218.333)	47.152
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>114.872.445</b>	<b>109.333.206</b>



Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Hồ Ngọc Yến Phương  
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng  
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
 Người lập biểu



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 11 ngày 11 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, mã số doanh nghiệp số 0302495126. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Petrovietnam").

Tổng Công ty có hai xí nghiệp trực thuộc và hai chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo Quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria.
- Chi nhánh Myanmar được thành lập theo Quyết định số 01/03/2015/QĐ-HĐQT ngày 4 tháng 3 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Giấy chứng nhận thành lập số 594/CNĐK-SCT ngày 18 tháng 6 năm 2015 do Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Myanmar đặt tại số 33/36, Garden Street (U Yin Lane), Bahan Township, Yangon.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 465 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 457 người).

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng nào có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng, ngoại trừ việc Tổng Công ty mua lại khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vietubes từ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (công ty con) như trình bày tại Thuyết minh số 15.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

### Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có 7 công ty con. Danh sách các công ty con: xem Thuyết minh số 14.

Tổng Công ty có 4 công ty liên doanh. Danh sách các công ty liên doanh: xem Thuyết minh số 15.

### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, việc phân loại này được trình bày tại Thuyết minh số 39.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 8036/BTC-CĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ Đồng Việt Nam sang Đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty bao gồm Xí nghiệp Điều hành Khoan, Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí, Chi nhánh Algeria và Chi nhánh Myanmar. Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con và các công ty liên doanh vào báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

### Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

*Tổng Công ty là bên cho thuê:* Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Tổng Công ty là bên đi thuê:* Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản dài hạn khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

0-  
H  
T  
M  
T  
NA  
0

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và góp vốn liên doanh.

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con và góp vốn liên doanh theo giá gốc bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và góp vốn liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có). Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong vòng 1 năm đến 3 năm.

### **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### **Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Để lập báo cáo tài chính riêng, tài sản và công nợ của chi nhánh tại nước ngoài được quy đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân của niên độ kế toán và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi chi nhánh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

### **Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền mặt	90.654	118.701
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	65.846.379	26.875.403
Các khoản tương đương tiền	48.935.412	82.339.102
	<u><b>114.872.445</b></u>	<u><b>109.333.206</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

**6. ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc <u>USD</u>	Giá trị ghi sổ <u>USD</u>	Giá gốc <u>USD</u>	Giá trị ghi sổ <u>USD</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	26.135.568	26.135.568	467.727	467.727

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại đáo hạn trong khoảng thời gian trên 3 tháng với lãi suất thay đổi hàng kỳ theo thông báo của các ngân hàng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty Liên doanh Điều hành Dầu khí Cửu Long	20.537.403	19.997.179
Công ty TNHH MTV Khoan Dầu khí Nước sâu PVD	16.977.711	12.369.351
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (Lô 09-2/09)	11.294.165	18.642
Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong Nước (Lô 05.1a)	9.184.202	12.263.515
Các khoản phải thu khách hàng khác	<u>28.650.678</u>	<u>104.663.965</u>
	<b><u>86.644.159</u></b>	<b><u>149.312.652</u></b>

**Trong đó bao gồm phải thu của khách hàng là các bên liên quan:****Công ty con**

Công Ty TNHH Một Thành Viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí	894.102	708.367
Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD	582.771	93.587
Công ty TNHH MTV Khoan Dầu khí Nước sâu PVD	16.977.711	12.369.351

**Công ty liên doanh**

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling	133.775	424.797
Công ty TNHH PV Drilling Expro International	109.353	29.467
Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	367.332	963.995

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	-	2.034.752
Phải thu người lao động	7.347	-
Ký quỹ	127.616	44.570
Phải thu lãi tiền gửi	253.985	274.016
Phải thu nội bộ từ các công ty con	8.445.466	22.022.908
Các khoản phải thu khác	<u>1.748.156</u>	<u>760.595</u>
	<b><u>10.582.570</u></b>	<b><u>25.136.841</u></b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc <u>USD</u>	Dự phòng <u>USD</u>	Giá gốc <u>USD</u>	Dự phòng <u>USD</u>
Nguyên liệu, vật liệu	20.394.802	(4.643.069)	19.666.429	(1.845.852)
Công cụ, dụng cụ	14.998	-	84.789	-
	<b><u>20.409.800</u></b>	<b><u>(4.643.069)</u></b>	<b><u>19.751.218</u></b>	<b><u>(1.845.852)</u></b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	USD	USD
Phải thu dài hạn nội bộ từ các công ty con (*)	-	28.159.825
Các khoản phải thu dài hạn khác	525.761	626.690
	<b>525.761</b>	<b>28.786.515</b>

(\*) Phải thu dài hạn nội bộ từ các công ty thể hiện các khoản phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là "PVD Deepwater"), một công ty con của Tổng Công ty, nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (gọi tắt là "TAD") với các đối tác trong Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (gọi tắt là "BCC") bao gồm Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Quân đội (gọi tắt là "MBBank") và Ngân hàng TMCP Đại Dương (gọi tắt là "OceanBank") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Trong năm 2015, Tổng Công ty điều chuyển các khoản vay cho Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD dẫn đến giảm các khoản vay tại Tổng Công ty và giảm khoản phải thu dài hạn với Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD.

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	12.012.287	531.717.770	2.251.980	1.945.971	49.043	547.977.051
Tăng trong năm	-	4.984.265	191.864	180.063	-	5.356.192
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.107.045	-	-	-	2.107.045
Thanh lý	-	-	(61.639)	-	-	(61.639)
Chênh lệch tỷ giá	(216.682)	(3.885.247)	(3.736)	(1.262)	1.721	(4.105.206)
Tại ngày 31/12/2015	<b>11.795.605</b>	<b>534.923.833</b>	<b>2.378.469</b>	<b>2.124.772</b>	<b>50.764</b>	<b>551.273.443</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	2.643.247	173.658.112	1.769.900	1.629.068	42.218	179.742.545
Khấu hao trong năm	388.922	30.846.982	149.809	204.864	8.546	31.599.123
Thanh lý	-	-	(61.267)	-	-	(61.267)
Chênh lệch tỷ giá	(211.744)	(2.800.990)	(1.969)	(1.262)	-	(3.015.965)
Tại ngày 31/12/2015	<b>2.820.425</b>	<b>201.704.104</b>	<b>1.856.473</b>	<b>1.832.670</b>	<b>50.764</b>	<b>208.264.436</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2015	<b>8.975.180</b>	<b>333.219.729</b>	<b>521.996</b>	<b>292.102</b>	<b>-</b>	<b>343.009.007</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>9.369.040</b>	<b>358.059.658</b>	<b>482.080</b>	<b>316.903</b>	<b>6.825</b>	<b>368.234.506</b>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình quy đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria sang Đô la Mỹ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình là giàn PV Drilling II với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 129.009.803 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giàn PV Drilling II và giàn PV Drilling III: 296.845.564 Đô la Mỹ) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 4.150.775 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.619.599 Đô la Mỹ).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm máy tính USD	Khác USD	Tổng USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	6.121.918	2.640.423	1.600.658	10.362.999
Tăng trong năm	-	413.306	-	413.306
Chênh lệch tỷ giá	-	(2.812)	-	(2.812)
Tại ngày 31/12/2015	<u>6.121.918</u>	<u>3.050.917</u>	<u>1.600.658</u>	<u>10.773.493</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	699.865	1.578.114	1.309.241	3.587.220
Khấu hao trong năm	103.926	473.901	291.417	869.244
Chênh lệch tỷ giá	-	(5.322)	-	(5.322)
Tại ngày 31/12/2015	<u>803.791</u>	<u>2.046.693</u>	<u>1.600.658</u>	<u>4.451.142</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2015	<u><u>5.318.127</u></u>	<u><u>1.004.224</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>6.322.351</u></u>
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>5.422.053</u></u>	<u><u>1.062.309</u></u>	<u><u>291.417</u></u>	<u><u>6.775.779</u></u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình quy đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria sang Đô la Mỹ.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 2.727.187 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.092.873 Đô la Mỹ).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	31/12/2015 USD	31/12/2014 USD
Xây dựng cơ bản hình thành thiết bị khoan	11.776	2.119.095
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	-	8.176
Dự án ERP giai đoạn 3	361.568	-
Khác	-	15.650
	<u><u>373.344</u></u>	<u><u>2.142.921</u></u>

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Offshore bao gồm chế tạo, sửa chữa, kiểm định, bảo dưỡng vật tư thiết bị và phương tiện chuyên ngành dầu khí; cung ứng lao động có chuyên môn khoan, khai thác dầu khí cho các nhà thầu hoạt động trong và ngoài nước; tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu cho các phương tiện và hoạt động có rủi ro gây tràn dầu.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là “PVD Well”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Well bao gồm cung cấp dịch vụ kéo thả ống chống, cho thuê thiết bị khoan, dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, cung cấp vật tư thiết bị chuyên ngành phục vụ công tác dịch vụ giếng khoan.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Logging bao gồm cung cấp dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan dầu khí, thử giếng khoan dầu khí, thử vỉa, bơm trám xi măng, cung ứng nhân lực, vật tư, thiết bị cho các dịch vụ có liên quan.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là “PVD Tech”) được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Tech bao gồm cung cấp vật tư thiết bị cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác, thực hiện các dịch vụ lắp đặt, kiểm tra sửa chữa, bảo dưỡng giàn khoan, giàn sửa giếng, giàn khai thác dầu khí.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đồng Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Training bao gồm đào tạo, giới thiệu và cung ứng nhân lực ngành dầu khí trong và ngoài nước, cho thuê nhà và văn phòng, kho bãi.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là “PVD Deepwater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Deepwater bao gồm dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung ứng đàn khoan biển nước sâu phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí; cung ứng vật tư thiết bị, máy móc ngành dầu khí và các ngành nghề khác có liên quan; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm tự nhiên và khoa học kỹ thuật; tư vấn về công nghệ trong lĩnh vực dầu khí.

Công ty PV Drilling Overseas Company Private Limited (gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng Liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 9 Temasek Boulevard, #31\_00 Suntec Tower 2, Singapore. Hoạt động chính của PVD Overseas bao gồm đầu tư, cho thuê giàn khoan, cung cấp dịch vụ khoan và các dịch vụ liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	31/12/2015				31/12/2014			
	Tỷ lệ sở hữu /biểu quyết %	Vốn điều lệ đăng ký (nguyên tệ)	Vốn điều lệ đã góp của các bên (nguyên tệ)	Giá trị khoản đầu tư USD	Tỷ lệ sở hữu /biểu quyết %	Vốn điều lệ đăng ký (nguyên tệ)	Vốn điều lệ đã góp của các bên (nguyên tệ)	Giá trị khoản đầu tư USD
PVD Offshore	100	130.000.000.000	130.000.000.000	6.748.980	100	130.000.000.000	130.000.000.000	6.748.980
PVD Well	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.081.469	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.081.469
PVD Logging	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.236.959	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	4.236.959
PVD Tech	97	200.000.000.000	200.000.000.000	10.038.600	97	200.000.000.000	200.000.000.000	10.038.600
PVD Training	52	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	1.096.066	52	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	1.096.066
PVD Deepwater	100	764.000.000.000	764.000.000.000	39.692.090	100	764.000.000.000	764.000.000.000	39.692.090
PVD Overseas	81,6	41.961.000 USD	66.698.050 USD	54.400.000	81,6	41.961.000 USD	51.141.000 USD	41.728.800
				<u>120.294.164</u>				<u>107.622.964</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc niên độ kế toán do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con:** Hoạt động của các công ty con trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng, ngoại trừ việc Tổng Công ty mua lại khoản đầu tư góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH Vietubes từ PVD Tech như trình bày tại Thuyết minh số 15. Các công ty con đều kinh doanh có lãi nên Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

**Các giao dịch trong yếu giữa Tổng Công ty và các công ty con:** Xem thuyết minh số 37.

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty với tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ là 50%:

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling (gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của BJ-PVD bao gồm cung cấp trọn gói toàn bộ các dịch vụ như bơm trám xi măng, kích vĩa, kéo thả ống mềm và bơm nito... cùng với các giải pháp kỹ thuật, dịch vụ phòng thí nghiệm và cung cấp hóa chất. Tổng vốn điều lệ của BJ-PVD là 5 triệu Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là "PVD-Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD-Baker Hughes bao gồm cung cấp dịch vụ khoan định hướng và khảo sát, dịch vụ đo trong khi khoan, dịch vụ lấy mẫu lõi, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ treo đầu ống chống lừng, dịch vụ cứu kẹt, dịch vụ choàng khoan, dịch vụ ép vĩa nhân tạo, dịch vụ hoàn thiện giếng thông minh và dịch vụ công nghệ khai thác mỏ. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVD Tubulars”) là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Tubulars bao gồm cung cấp các sản phẩm cần khoan, ống chống, ống khai thác và cung cấp dịch vụ quản lý ống chống trọn gói cho tất cả các công ty dầu khí đang hoạt động thăm dò, khai thác trong bờ, ngoài khơi và cả những vùng nước sâu tại Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.

Công ty TNHH Vietubes (gọi tắt là “Vietubes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Vietubes đặt tại Đường số 11, Khu công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của Vietubes bao gồm ren, gia công, sửa chữa, phục hồi và kiểm tra, kiểm định các loại cần khoan ống chống, chế tạo đầu nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ cho hoạt động khoan thăm dò, khai thác dầu khí; gia công kim loại, bao gồm cắt, định dạng và ổ định cấu trúc kim loại; gia công cơ khí chính xác chi tiết lớn trên máy tự động. Tổng vốn điều lệ của Vietubes là 77.297.205.000 đồng tương đương 3.707.300 Đô la Mỹ. Trong năm 2015, Tổng Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để nhận chuyển nhượng toàn bộ giá trị đầu tư tại Vietubes từ PVD Tech. Theo đó, từ ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
	Giá gốc	Giá gốc
BJ-PVD	2.399.255	2.399.255
PVD-Baker Hughes	10.200.000	10.200.000
PVD Tubulars	1.450.655	1.450.655
Vietubes	3.976.536	-
	<u><b>18.026.446</b></u>	<u><b>14.049.910</b></u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn liên doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên doanh: Hoạt động của các công ty liên doanh trong năm 2015 diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng. Các công ty liên doanh đều kinh doanh có lãi nên Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

Các giao dịch trong yếu giữa Tổng Công ty và công ty liên doanh trong năm: Xem thuyết minh số 37.

**16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời bao gồm các khoản dự phòng và chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện khi đánh giá lại các tài khoản tiền và các khoản phải thu.

	Các khoản dự phòng	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tại ngày 01/01/2015	405.273	-	405.273
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	717.620	208.232	925.852
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<u><b>1.122.893</b></u>	<u><b>208.232</b></u>	<u><b>1.331.125</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị USD	Số có khả năng trả nợ USD	Giá trị USD	Số có khả năng trả nợ USD
<b>a) Các khoản phải trả người bán</b>				
Công ty TNHH PV Drilling Overseas	16.083.905	16.083.905	-	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Biển PVD	8.807.307	8.807.307	6.018.831	6.018.831
UMW Offshore Drilling SDN BHD	4.222.646	4.222.646	18.466.399	18.466.399
Phải trả cho các đối tượng khác	14.226.626	14.226.626	41.414.500	41.414.500
	<b>43.340.484</b>	<b>43.340.484</b>	<b>65.899.730</b>	<b>65.899.730</b>
<b>b) Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	8.807.307	8.807.307	6.018.831	6.018.831
Công ty CP TM-DV-Kỹ thuật Dầu Khí PVD	382.189	382.189	268.637	268.637
Công ty TNHH PV Drilling Overseas	16.083.905	16.083.905	-	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	735.161	735.161	593.907	593.907

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015 USD	31/12/2014 USD
Thuế giá trị gia tăng	697.646	7.135.488
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.028.110	5.557.818
Thuế thu nhập cá nhân	653.181	1.491.680
Các loại thuế khác	1.946.566	2.524.091
	<b>4.325.503</b>	<b>16.709.077</b>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước trong năm của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2015 USD	Số phải nộp USD	Số đã nộp USD	31/12/2015 USD
Thuế giá trị gia tăng	7.135.488	12.511.179	18.949.021	697.646
Thuế xuất nhập khẩu	-	219.784	219.784	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.557.818	11.129.089	15.516.231	1.170.676
Thuế thu nhập cá nhân	1.491.680	14.755.700	15.594.198	653.182
Thuế môn bài	-	234	234	-
Các loại thuế khác	2.524.091	34.131.188	34.851.280	1.803.999
	<b>16.709.077</b>	<b>72.747.174</b>	<b>85.130.748</b>	<b>4.325.503</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Trích trước chi phí hoạt động của các giàn khoan	4.926.650	37.832.494
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	749.760	2.153.465
Trích trước chi phí lãi vay	561.055	1.227.609
Các khoản khác	2.389.153	2.365.659
	<b><u>8.626.618</u></b>	<b><u>43.579.227</u></b>

**20. VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2014				31/12/2015	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	39.749.127	39.749.127	20.799.564	(43.348.691)	17.200.000	17.200.000

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Dự phòng quỹ lương <u>USD</u>	Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định <u>USD</u>	Dự phòng trợ cấp thôi việc <u>USD</u>	Tổng <u>USD</u>
Tại ngày 01/01/2015	3.564.134	12.932.086	-	16.496.220
Trích lập dự phòng trong năm	3.011.669	447.947	460.990	3.920.606
Sử dụng trong năm	(1.720.641)	(5.401.001)	-	(7.121.642)
Hoàn nhập dự phòng	(1.843.493)	-	-	(1.843.493)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b><u>3.011.669</u></b>	<b><u>7.979.032</u></b>	<b><u>460.990</u></b>	<b><u>11.451.691</u></b>

Dự phòng quỹ lương được trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo Quyết định của Tổng Công ty.

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi kỳ căn cứ vào chi phí ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn sẽ phát sinh trong vòng một năm tiếp theo theo yêu cầu kỹ thuật cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan và được duyệt theo Quyết định của Tổng Công ty.

**22. VAY DÀI HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản vay dài hạn	59.188.277	134.933.477
Vay dài hạn đến hạn trả (đã trình bày tại Vay ngắn hạn)	(17.200.000)	(39.749.127)
	<b><u>41.988.277</u></b>	<b><u>95.184.350</u></b>

01/12/2015  
 CHI  
 CỐ  
 ÁCH  
 DE  
 VII  
 /-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	31/12/2014				31/12/2015	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Vay dài hạn	95.184.350	95.184.350	-	(53.196.073)	41.988.277	41.988.277

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)	59.188.277	82.388.277
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (“HSBC”)	-	5.750.000
MBBank và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”)	-	39.595.200
Ngân hàng Standard Chartered (“Standard Chartered”)	-	7.200.000
	<u>59.188.277</u>	<u>134.933.477</u>

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ	Dư nợ
				31/12/2015	31/12/2014
				<u>USD</u>	<u>USD</u>
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	59.188.277	76.388.277
BIDV	Giàn PV Drilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	-	6.000.000
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PetroVietnam bảo lãnh và giàn PV Drilling III	-	5.750.000
MB và Vietinbank	Giàn PV Drilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu từ BCC theo tỷ lệ góp vốn	-	39.595.200
Standard Chartered	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu từ BCC theo tỷ lệ góp vốn	-	7.200.000
				<u>59.188.277</u>	<u>134.933.477</u>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Trong vòng một năm	17.200.000	39.749.127
Trong năm thứ hai	17.200.000	27.999.127
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	24.788.277	63.585.659
Sau năm năm	-	3.599.564
	<u>59.188.277</u>	<u>134.933.477</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(17.200.000)</u>	<u>(39.749.127)</u>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<u><b>41.988.277</b></u>	<u><b>95.184.350</b></u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**Dự phòng sửa chữa lớn  
tài sản cố định  
USD

Tại ngày 01/01/2015	2.372.991
Trích lập dự phòng trong năm	3.738.019
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>6.111.010</b>

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi năm căn cứ vào chi phí ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn sẽ phát sinh trong tương lai theo yêu cầu kỹ thuật cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

**24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế để phát triển các hoạt động khoa học công nghệ.

Tình hình trích lập và sử dụng quỹ trong năm như sau:

	31/12/2015 <u>USD</u>	31/12/2014 <u>USD</u>
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>31.510.098</b>	<b>17.831.294</b>
- Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ khả dụng	31.510.098	17.831.294
- Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ đã hình thành TSCĐ	-	-
<b>Tăng trong năm:</b>	<b>5.620.751</b>	<b>13.703.489</b>
- Trích lập trong năm	5.620.751	9.436.335
- Nhận từ Công ty con	-	4.267.154
<b>Giảm trong năm (*):</b>	<b>(2.244.472)</b>	<b>(24.685)</b>
- Công ty mẹ sử dụng	(505.136)	(24.685)
<i>Trong đó: Chi đầu tư TSCĐ</i>	396.381	-
- Cấp cho Công ty con sử dụng	(2.135.717)	-
<b>Tại ngày cuối năm:</b>	<b>34.886.377</b>	<b>31.510.098</b>
- Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ khả dụng	34.489.996	31.510.098
- Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ đã hình thành TSCĐ	396.381	-

(\*) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, số Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ đã sử dụng lũy kế của Tổng Công ty là 2.677.248 Đô la Mỹ (tương đương 60.104.219.840 đồng).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần 11, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.484.662.590.000 đồng, tương đương 181.630.323 Đô la Mỹ. Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
<b>Số cổ phần được duyệt</b>	<b>348.466.259</b>	<b>3.484.662.590.000</b>	<b>303.073.350</b>	<b>3.030.733.500.000</b>
<b>Số cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phần phổ thông	328.314.259	3.283.142.590.000	282.921.350	2.829.213.500.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	20.152.000	201.520.000.000
	<b>348.466.259</b>	<b>3.484.662.590.000</b>	<b>303.073.350</b>	<b>3.030.733.500.000</b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phần phổ thông	(416.000)	(4.160.000.000)	(36.450)	(364.500.000)
	<b>(416.000)</b>	<b>(4.160.000.000)</b>	<b>(36.450)</b>	<b>(364.500.000)</b>
<b>Số cổ phần hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phần phổ thông	327.898.259	3.278.982.590.000	282.884.900	2.828.849.000.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	20.152.000	201.520.000.000
	<b>348.050.259</b>	<b>3.480.502.590.000</b>	<b>303.036.900</b>	<b>3.030.369.000.000</b>

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu bao gồm số cổ phần phổ thông của Petrovietnam bị hạn chế 3 năm kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2013.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty là Petrovietnam hiện sở hữu 175.617.690 cổ phần tương ứng với tỷ lệ 50,40% tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 50,39% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 so với tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu USD	Thặng dư vốn cổ phần USD	Cổ phiếu quỹ USD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái USD	Quỹ đầu tư phát triển USD	Quỹ dự phòng tài chính USD	Lợi nhuận sau thuế USD	Tổng USD
Số dư tại ngày 01/01/2014	148.114.675	127.400.152	(629.308)	(216.391)	27.413.843	14.680.782	133.382.465	450.146.218
Chia cổ tức	12.980.516	-	-	-	-	-	(38.933.624)	(25.953.108)
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	(629.308)	629.308	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(17.257)	-	-	-	-	(17.257)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(590.121)	-	-	-	(590.121)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	99.609.002	99.609.002
Phân phối quỹ	-	-	-	-	6.984.967	1.428.737	(18.793.048)	(10.379.344)
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	1.206.214	-	-	1.206.214
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>161.095.191</b>	<b>126.770.844</b>	<b>(17.257)</b>	<b>(806.512)</b>	<b>35.605.024</b>	<b>16.109.519</b>	<b>175.264.795</b>	<b>514.021.604</b>
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	-	16.109.519	(16.109.519)	-	-
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>161.095.191</b>	<b>126.770.844</b>	<b>(17.257)</b>	<b>(806.512)</b>	<b>51.714.543</b>	<b>-</b>	<b>175.264.795</b>	<b>514.021.604</b>
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(949.244)	-	-	-	-	(949.244)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.493.011)	-	-	-	(1.493.011)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	69.696.415	69.696.415
Phân phối quỹ	-	-	-	-	4.626.653	-	(11.548.119)	(6.921.466)
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	2.197.129	-	-	2.197.129
Chia cổ tức	20.535.132	-	-	-	-	-	(41.114.734)	(20.579.602)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>181.630.323</b>	<b>126.770.844</b>	<b>(966.501)</b>	<b>(2.299.523)</b>	<b>58.538.325</b>	<b>-</b>	<b>192.298.357</b>	<b>555.971.825</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã mua lại 379.550 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 01/12/2014/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2014.

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá từ việc quy đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ Dinar Algeria sang Đô la Mỹ.

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Theo quy định của Thông tư 200, Tổng Công ty không trích lập quỹ dự phòng tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và số dư quỹ dự phòng tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được chuyển vào quỹ đầu tư phát triển. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cố định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2014 là 30% vốn điều lệ với 15% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 15% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền là 20.579.602 Đô la Mỹ, tương đương 453.986.025.000 đồng. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 20.535.132 Đô la Mỹ, tương đương 453.929.090.000 đồng từ việc thanh toán 15% cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu.

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo thời hạn được trình bày ở Thuyết minh số 35.

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2015	31/12/2014
Đồng Việt Nam ("VND")	1.895.618.540.719	1.941.355.519.230
Euro ("EUR")	8.125	9.056
Bảng Anh ("GBP")	2.772	7.145
Đô la Singapore ("SGD")	36.342	17.493
Dinar Algeria ("DZD")	<u>27.853.768</u>	<u>57.432.042</u>

**27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	338.355.784	534.231.480
Doanh thu bán hàng và cung cấp các dịch vụ khác	64.243.618	103.231.482
	<u>402.599.402</u>	<u>637.462.962</u>

Doanh thu với các bên liên quan: xem Thuyết minh số 37.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2015	2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	273.976.163	434.976.446
Giá vốn hàng bán và cung cấp các dịch vụ khác	50.457.329	83.916.559
	<u><b>324.433.492</b></u>	<u><b>518.893.005</b></u>

Giá vốn với các bên liên quan: xem Thuyết minh số 37.

**29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.242.823	11.995.263
Chi phí nhân công	85.923.934	118.766.694
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.468.367	31.794.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	209.747.359	375.991.617
Chi phí khác	12.282.313	17.537.669
	<u><b>354.664.796</b></u>	<u><b>556.085.973</b></u>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lãi tiền gửi	3.800.503	3.845.817
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty con	23.429.880	29.759.327
Thu nhập từ đầu tư góp vốn liên doanh	10.847.791	8.744.477
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.610.872	1.500.172
	<u><b>39.689.046</b></u>	<u><b>43.849.793</b></u>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí lãi vay	1.402.392	2.905.656
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	885.456	13.966
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.794.578	3.792.141
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(839.047)
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	636.482
Chi phí tài chính khác	-	25.656
	<u><b>8.082.426</b></u>	<u><b>6.534.854</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015	2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí nhân công	11.550.051	12.048.052
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.281.600	1.266.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.386.521	5.703.702
Chi phí khác	11.533.718	16.891.464
	<u><b>28.751.890</b></u>	<u><b>35.909.852</b></u>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>79.899.652</b>	<b>120.794.368</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	34.277.671	38.503.804
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.980.346	2.636.450
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>50.602.327</b>	<b>84.927.014</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	11.129.089	18.683.943
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước	-	2.906.696
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>11.129.089</b>	<b>21.590.639</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 22% tính trên thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty.

**34. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

**35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****Cam kết thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất:**

	2015	2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>822.339</u>	<u>762.968</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Trong vòng một năm	704.839	836.127
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>296.331</u>	<u>940.654</u>
	<u><b>1.001.170</b></u>	<u><b>1.776.781</b></u>

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê của Tổng Công ty với thời gian thuê trên 1 năm.

**Cam kết thuê giàn khoan phục vụ hoạt động kinh doanh:**

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty thuê các giàn khoan và cho khách hàng thuê lại theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê được tính theo đơn giá thuê và số ngày hoạt động thực tế của các giàn khoan.

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản vay	59.188.277	134.933.477
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>114.872.445</u>	<u>109.333.206</u>
Nợ thuần	-	25.600.271
Vốn chủ sở hữu	<u>555.971.825</u>	<u>514.021.604</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u><b>-</b></u>	<u><b>0,05</b></u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	USD	USD
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	114.872.445	109.333.206
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	26.135.568	467.727
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.334.462	202.555.180
Các khoản ký quỹ	653.376	671.260
	<b>239.995.851</b>	<b>313.027.373</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	59.188.277	134.933.477
Phải trả người bán và phải trả khác	56.668.049	66.753.979
Chi phí phải trả	8.626.618	43.579.227
	<b>124.482.944</b>	<b>245.266.683</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	USD	USD	USD	USD
Đồng Việt Nam (VND)	18.954.610	15.435.056	90.934.587	197.242.376
Dinar Algeria (DZD)	658.450	416.890	608.896	890.299
Đô la Singapore (SGD)	63.275	49.080	8.836	336.359
Euro (EUR)	-	71.996	-	66.191
Bath Thái (THB)	463	4.538	-	-
Bảng Anh (GBP)	-	14.723	-	150.879
Đô la Úc (AUD)	-	4.058	-	2.460

001  
 CI  
 C  
 CH  
 DE  
 VI  
 4.7.7



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Tỷ lệ thay đổi 3% (năm 2014: 2%) được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% (năm 2014: 2%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ tăng/giảm 3% (năm 2014: 2%) thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng là 2.159.399 Đô la Mỹ (năm 2014: 3.636.146 Đô la Mỹ).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 177.565 Đô la Mỹ (năm 2014: 404.800 Đô la Mỹ).

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

<b>31/12/2015</b>	Dưới 1 năm <u>USD</u>	Từ 1- 5 năm <u>USD</u>	Trên 5 năm <u>USD</u>	Tổng <u>USD</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	114.872.445	-	-	114.872.445
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	26.135.568	-	-	26.135.568
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.334.462	-	-	98.334.462
Các khoản ký quỹ	127.616	525.760	-	653.376
	<u>239.470.091</u>	<u>525.760</u>	<u>-</u>	<u>239.995.851</u>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	17.200.000	41.988.277	-	59.188.277
Phải trả người bán và phải trả khác	56.668.049	-	-	56.668.049
Chi phí phải trả	8.626.618	-	-	8.626.618
	<u>82.494.667</u>	<u>41.988.277</u>	<u>-</u>	<u>124.482.944</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>156.975.424</u>	<u>(41.462.517)</u>	<u>-</u>	<u>115.512.907</u>
<b>31/12/2014</b>	Dưới 1 năm <u>USD</u>	Từ 1- 5 năm <u>USD</u>	Trên 5 năm <u>USD</u>	Tổng <u>USD</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.333.206	-	-	109.333.206
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	467.727	-	-	467.727
Phải thu khách hàng và phải thu khác	173.768.665	28.786.515	-	202.555.180
Các khoản ký quỹ	44.570	626.690	-	671.260
	<u>283.614.168</u>	<u>29.413.205</u>	<u>-</u>	<u>313.027.373</u>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	39.749.127	91.584.786	3.599.564	134.933.477
Phải trả người bán và phải trả khác	66.753.979	-	-	66.753.979
Chi phí phải trả	43.579.227	-	-	43.579.227
	<u>150.082.333</u>	<u>91.584.786</u>	<u>3.599.564</u>	<u>245.266.683</u>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<u>133.531.835</u>	<u>(62.171.581)</u>	<u>(3.599.564)</u>	<u>67.760.690</u>

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam  
 Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty  
 Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng  
 phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam  
 Các công ty liên doanh của Tổng Công ty

**Mối quan hệ**

Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam  
 Công ty con  
 Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam  
 Công ty liên doanh

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015 <u>USD</u>	2014 <u>USD</u>
<b>Cung cấp hàng hóa và dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	1.444.291	189.103
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	26.601.685	30.985.954
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	371.015.058	441.920.734
<i>Trong đó: chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị giao dịch</i>		
<i>Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long</i>	77.077.814	66.746.934
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>4.315.660</u>	<u>2.457.828</u>
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	8.631.897	5.236.290
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	50.176.906	19.879.933
<i>Trong đó: chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị giao dịch</i>		
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD</i>	17.425.577	13.210.011
<i>Công ty TNHH PV Drilling Overseas</i>	28.895.884	-
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>3.097.315</u>	<u>941.609</u>
<b>Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:</b>		
	2015 <u>USD</u>	2014 <u>USD</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	473.128	101.466
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	17.413.110	62.335.172
<i>Trong đó: chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị số dư</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Khoan Dầu khí nước sâu PVD</i>	16.977.711	12.369.351
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	49.481.884	101.427.924
<i>Trong đó: chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị số dư</i>		
<i>Công ty Liên doanh Điều hành Dầu khí Cửu Long</i>	20.537.403	19.997.179
<i>Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (Lô 09-2/09)</i>	11.294.165	18.642
<i>Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (Lô 05.1a)</i>	9.184.202	12.263.515
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>610.460</u>	<u>1.418.259</u>
	<u>2015 USD</u>	<u>2014 USD</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	3.132.389	2.164.540
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	26.008.562	2.653.426
<i>Trong đó: chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị số dư</i>		
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (PVD-Offshore)</i>	8.807.307	2.059.519
<i>Công ty TNHH PV Drilling Overseas</i>	16.083.905	-
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>167.510</u>	<u>34.459</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015	2014
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lương	263.989	258.460
Tiền thưởng	130.278	72.185
Các khoản phúc lợi khác	19.821	14.894
	<u><u>414.088</u></u>	<u><u>345.539</u></u>

**38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 40.848 Đô la Mỹ (năm 2014: 367.001 Đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán.

Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác trong năm không bao gồm số tiền 3.976.536 Đô la Mỹ tương ứng với giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vietubes tăng trong năm bằng hình thức cân trừ công nợ với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD, một công ty con của Tổng Công ty. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 11.750.039 Đô la Mỹ (năm 2014: 15.503.266 Đô la Mỹ) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 15.503.266 Đô la Mỹ (năm 2014: 16.751.994 Đô la Mỹ) là số tiền lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm nay.

Ngoài ra, tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 7.267.481 Đô la Mỹ (năm 2014: 4.829.406 Đô la Mỹ) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán bằng hình thức cân trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền chi trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm số tiền 53.196.073 Đô la Mỹ (năm 2014: 0 Đô la Mỹ) là số gốc vay chuyển cho Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD, một công ty con của Tổng Công ty. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền chi trả chi phí lãi vay trong năm không bao gồm số tiền 587.587 Đô la Mỹ là số chi phí lãi vay chuyển cho Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD, một công ty con của Tổng Công ty. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm số tiền 20.535.132 Đô la Mỹ là cổ tức năm 2015 đã trả cho các cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu (năm 2014: 12.980.516 Đô la Mỹ). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

2500-0  
NHÂN  
NG TY  
HIỆM HỮU  
OITT  
T NAM  
P. HỒ C

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay theo quy định của Thông tư 200, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Mã số	Theo QĐ	Giá trị phân	Theo TT
		15/2006/QĐ-BTC USD	loại lại USD	200/2014/TT-BTC USD
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	136.846.081	12.466.571	149.312.652
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	37.289.280	(12.152.439)	25.136.841
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	11.269	11.269
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	325.401	(325.401)	-
5. Phải thu dài hạn khác	216	28.159.825	626.690	28.786.515
6. Tài sản dài hạn khác	268	626.690	(626.690)	-
7. Phải trả người bán ngắn hạn	311	63.302.150	2.597.580	65.899.730
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	58.884.304	(15.305.077)	43.579.227
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	3.522.783	(2.597.580)	925.203
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	3.564.134	12.932.086	16.496.220
11. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	2.372.991	2.372.991
12. Quỹ đầu tư phát triển	418	35.605.024	16.109.519	51.714.543
13. Quỹ dự phòng tài chính	418	16.109.519	(16.109.519)	-

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Mã số	Theo QĐ	Giá trị phân	Theo TT
		15/2006/QĐ-BTC USD	loại lại USD	200/2014/TT-BTC USD
1. Các khoản điều chỉnh khác	07	-	4.916.416	4.916.416
2. Thay đổi các khoản phải trả	11	49.288.170	(4.894.115)	44.394.055
3. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.044.884)	(22.301)	(6.067.185)

**40. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 23 tháng 3 năm 2016.



Ngày 23 tháng 3 năm 2016

*Phạm Tiến Dũng*  
 Hồ Ngọc Yến Phương  
 Phó Tổng Giám đốc

*Đoàn Đắc Tùng*  
 Đoàn Đắc Tùng  
 Kế toán trưởng

*Trần Kim Hoàng*  
 Trần Kim Hoàng  
 Người lập biểu



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ  
KHOAN DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

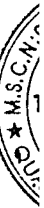
Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYÊN ĐỀ	8 - 37



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Văn Khánh	Chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015)
Ông Đỗ Đức Chiến	Phó chủ tịch (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015)
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên
Bà Phạm Thị An Bình	Thành viên
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2015)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2015)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng chuyển đổi phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng chuyển đổi này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng chuyển đổi hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng chuyển đổi trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng chuyển đổi hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng chuyển đổi tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng chuyển đổi.

Chức vụ  
mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngày 23 tháng 3 năm 2016



Số: 382 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng chuyên đổi kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chuyên đổi. Báo cáo tài chính riêng chuyên đổi này đã được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyên đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng chuyên đổi.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng chuyên đổi của Tổng Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyên đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng chuyên đổi không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng chuyên đổi dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng chuyên đổi của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng chuyên đổi. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính chuyên đổi do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng chuyên đổi trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng chuyên đổi.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng chuyên đổi của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và quy định về chuyên đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam của Thông tư 200.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Chính sách kế toán và giới hạn về đối tượng sử dụng báo cáo kiểm toán*

Tổng Công ty đã lập một bộ báo cáo tài chính riêng bằng đồng tiền kế toán là Đô la Mỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chúng tôi đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 23 tháng 3 năm 2016 về báo cáo tài chính riêng đó với ý kiến chấp nhận toàn phần. Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính chuyển đổi đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng chuyển đổi mô tả cơ sở kế toán cho việc chuyển đổi báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi này được lập để giúp Tổng Công ty đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 200 trong việc công bố ra công chúng và nộp báo cáo tài chính cho cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, báo cáo tài chính riêng chuyển đổi này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.



Nguyễn Quang Trung  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2013-001-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**  
*Ngày 23 tháng 3 năm 2016*  
*Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam*

Bùi Văn Trịnh  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1808-2013-001-1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.791.696.573.500</b>	<b>6.553.594.359.984</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.578.886.390.250</b>	<b>2.322.893.294.676</b>
1. Tiền	111		1.480.286.390.850	573.516.733.584
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.098.599.999.400	1.749.376.561.092
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>586.743.501.600</b>	<b>9.937.327.842</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		586.743.501.600	9.937.327.842
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.230.300.435.950</b>	<b>3.790.487.557.128</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.945.161.369.550	3.172.296.604.392
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		48.207.334.000	84.097.489.404
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	237.578.696.500	534.057.323.886
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(646.964.100)	(203.281.728)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	239.421.174
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>353.963.110.950</b>	<b>380.417.406.036</b>
1. Hàng tồn kho	141		458.200.010.000	419.634.377.628
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(104.236.899.050)	(39.216.971.592)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>41.803.134.750</b>	<b>49.858.774.302</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.422.608.050	19.820.032.218
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.380.526.700	30.038.742.084
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.998.752.626.700</b>	<b>11.221.238.961.612</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11.803.334.450</b>	<b>611.598.297.690</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	11.803.334.450	611.598.297.690
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.842.488.987.100</b>	<b>7.967.468.515.110</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	7.700.552.207.150	7.823.510.314.476
- Nguyên giá	222		12.376.088.795.350	11.642.320.425.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.675.536.588.200)	(3.818.810.111.070)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	141.936.779.950	143.958.200.634
- Nguyên giá	228		241.864.917.850	220.172.276.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.928.137.900)	(76.214.076.120)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>8.381.572.800</b>	<b>45.528.499.566</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	8.381.572.800	45.528.499.566
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.105.297.694.500</b>	<b>2.585.061.881.004</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	2.700.603.981.800	2.286.557.493.144
2. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	15	404.693.712.700	298.504.387.860
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.781.037.850</b>	<b>11.581.768.242</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		897.281.600	2.971.338.084
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	29.883.756.250	8.610.430.158
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>16.790.449.200.200</b>	<b>17.774.833.321.596</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng chuyển đổi

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.308.881.728.950</b>	<b>6.853.930.323.012</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.445.853.572.150</b>	<b>4.111.763.514.018</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	972.993.865.800	1.400.105.663.580
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	97.107.542.350	355.001.049.942
3. Phải trả người lao động	314		68.243.824.300	70.445.192.232
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	193.667.574.100	925.884.256.842
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		300.309.070.200	19.656.862.938
6. Vay ngắn hạn	320	20	386.140.000.000	844.509.952.242
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	257.090.462.950	350.478.690.120
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		170.301.232.450	145.681.846.122
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.863.028.156.800</b>	<b>2.742.166.808.994</b>
1. Vay dài hạn	338	22	942.636.818.650	2.022.286.700.100
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	137.192.174.500	50.416.566.786
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	24	783.199.163.650	669.463.542.108
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>12.481.567.471.250</b>	<b>10.920.902.998.584</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>12.481.567.471.250</b>	<b>10.920.902.998.584</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.484.662.590.000	3.030.733.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.484.662.590.000	3.030.733.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.434.086.374.663	2.434.086.374.663
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.948.559.850)	(364.500.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1.531.370.425.356	919.479.173.357
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.176.189.095.302	1.026.700.510.257
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.876.207.545.779	3.510.267.940.307
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.602.352.825.307	1.801.091.329.161
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.273.854.720.472	1.709.176.611.146
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>16.790.449.200.200</b>	<b>17.774.833.321.596</b>



Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2015	2014
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.819.745.110.129	13.481.704.183.338
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	27	8.819.745.110.129	13.481.704.183.338
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	7.107.364.519.759	10.974.068.162.745
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.712.380.590.370	2.507.636.020.593
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	869.467.930.722	927.379.272.157
6. Chi phí tài chính	22	31	177.061.706.382	138.205.627.246
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.722.201.544	61.451.718.744
7. Chi phí bán hàng	25		32.409.171.986	27.136.620.284
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	629.867.654.230	759.457.459.948
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.742.509.988.494	2.510.215.585.272
10. Thu nhập khác	31		8.131.155.469	48.140.855.379
11. Chi phí khác	32		279.467.599	3.676.351.819
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.851.687.870	44.464.503.560
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.750.361.676.364	2.554.680.088.832
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	243.804.952.723	456.620.424.211
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	16	(20.282.639.764)	(8.571.118.677)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>1.526.839.363.405</u>	<u>2.106.630.783.298</u>



*[Signature]*  
Phạm Tiên Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

*[Signature]*  
Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

*[Signature]*  
Đoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởng

*[Signature]*  
Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng chuyển đổi

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**MÃ SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015		2014	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.750.361.676.364</b>	<b>2.554.680.088.832</b>		
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>					
Khấu hao tài sản cố định	02	711.284.515.869	672.426.744.770		
Các khoản dự phòng	03	33.078.627.999	21.292.918.945		
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	19.397.684.592	295.366.934		
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(835.944.437.274)	(882.198.811.500)		
Chi phí lãi vay	06	30.722.201.544	61.451.718.744		
Các khoản điều chỉnh khác	07	85.030.158.405	103.977.286.214		
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.793.930.427.499</b>	<b>2.531.925.312.939</b>		
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.285.405.777.711	(455.057.556.508)		
Thay đổi hàng tồn kho	10	(14.427.555.874)	(86.730.928.103)		
Thay đổi các khoản phải trả	11	(1.078.889.627.875)	938.889.875.117		
Thay đổi chi phí trả trước	12	9.526.916.160	38.870.529.613		
Tiền lãi vay đã trả	14	(32.452.284.962)	(70.075.193.838)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(335.365.070.574)	(376.401.140.222)		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	48.132.505.003	-		
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(134.192.445.757)	(128.314.905.717)		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.541.668.641.331</b>	<b>2.393.105.993.281</b>		
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(140.930.316.026)	(118.948.464.059)		
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.765.879.456	7.655.938		
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(820.000.000.000)	(490.258.331.691)		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	243.193.826.242	490.258.331.691		
5. Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác	25	(277.587.978.400)	(530.680.114.800)		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	6.404.734.000		
7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	761.892.511.872	714.107.084.640		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(231.666.076.856)</b>	<b>70.890.895.719</b>		
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(20.584.059.850)	(364.500.000)		
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(713.063.298.548)	(1.410.405.509.244)		
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(453.986.025.000)	(550.984.490.000)		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.187.633.383.398)</b>	<b>(1.961.754.499.244)</b>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>122.369.181.077</b>	<b>502.242.389.756</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>2.322.893.294.676</b>	<b>1.798.571.415.732</b>		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.783.021.031)	997.217.648		
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	62	138.406.935.528	21.082.271.540		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61+62)</b>	<b>70</b>	<b>2.578.886.390.250</b>	<b>2.322.893.294.676</b>		

Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

Hồ Ngọc Yên Phương  
Phó Tổng Giám đốcĐoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởngTrần Kim Hoàng  
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng chuyển đổi

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 11 ngày 11 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, mã số doanh nghiệp số 0302495126. Tổng Công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Petrovietnam”).

Tổng Công ty có hai xí nghiệp trực thuộc và hai chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Invest”) được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo Giấy phép chứng nhận kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại Lầu 3, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và Giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria.
- Chi nhánh Myanmar được thành lập theo Quyết định số 01/03/2015/QĐ-HĐQT ngày 4 tháng 3 năm 2015 của Hội đồng Quản trị và Giấy chứng nhận thành lập số 594/CNĐK-SCT ngày 18 tháng 6 năm 2015 do Sở Công thương Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Myanmar đặt tại số 33/36, Garden Street (U Yin Lane), Bahan Township, Yangon.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 465 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 457 người).

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng nào có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng chuyển đổi, ngoại trừ việc Tổng Công ty mua lại khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vietubes từ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (công ty con) như trình bày tại Thuyết minh số 15.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo

### Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có 7 công ty con. Danh sách các công ty con: xem Thuyết minh số 14.

Tổng Công ty có 4 công ty liên doanh. Danh sách các công ty liên doanh: xem Thuyết minh số 15.

### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng chuyển đổi

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, việc phân loại này được trình bày tại Thuyết minh số 39.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng chuyển đổi

Tổng Công ty sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc sử dụng đơn vị tiền tệ kế toán bằng Đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Cho mục đích công bố báo cáo theo yêu cầu của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được lập bằng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22.450 VND/USD (là tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm báo cáo);
- Vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ) được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn hoặc mua lại cổ phiếu quỹ;
- Chênh lệch tỷ giá được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân năm tài chính vì tỷ giá này xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không vượt quá 3%) thì có thể áp dụng theo tỷ giá bình quân (nếu lựa chọn). Theo đó, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong năm là 21.907 VND/USD của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty bao gồm Xí nghiệp Điều hành Khoan, Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí, Chi nhánh Algeria và Chi nhánh Myanmar. Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con và các công ty liên doanh vào báo cáo tài chính riêng chuyển đổi này. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo*

Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng chuyển đổi tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng chuyển đổi cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo

### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chuyển đổi trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm trị giá mua vào của hàng tồn kho và chi phí thu mua, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chuyển đổi.

### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo*

**Tổng Công ty là bên cho thuê:** Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Tổng Công ty là bên đi thuê:** Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình mua sắm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản dài hạn khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và góp vốn liên doanh.

Công ty con là công ty do Tổng Công ty kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con và góp vốn liên doanh theo giá gốc, bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chuyển đổi khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con và góp vốn liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng chuyển đổi theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có). Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và linh kiện phát sinh trong năm và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong vòng 1 năm đến 3 năm.

### Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí trích trước cho hoạt động của các giàn khoan và các khoản chi phí phải trả khác. Chi phí phải trả phản ánh giá trị các khoản đã trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực chi tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo

### Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong năm tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng chuyển đổi.

### Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Để lập báo cáo tài chính riêng, tài sản và công nợ của chi nhánh tại nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của niên độ kế toán và chi áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi chi nhánh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo***Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng chuyển đổi. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	2.035.182.300	2.521.921.446
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.478.251.208.550	570.994.812.138
Các khoản tương đương tiền	1.098.599.999.400	1.749.376.561.092
	<u><b>2.578.886.390.250</b></u>	<u><b>2.322.893.294.676</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>586.743.501.600</u>	<u>586.743.501.600</u>	<u>9.937.327.842</u>	<u>9.937.327.842</u>

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại đáo hạn trong khoảng thời gian trên 3 tháng với lãi suất thay đổi hàng kỳ theo thông báo của các ngân hàng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo***7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty Liên doanh Điều hành Dầu khí Cừu Long	461.064.688.320	424.860.065.034
Công ty TNHH MTV Khoan Dầu khí Nước sâu PVD	381.149.621.155	262.799.238.782
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (Lô 09-2/09)	253.553.995.210	396.067.932
Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong Nước (Lô 05.1a)	206.185.324.742	260.550.639.690
Các khoản phải thu khách hàng khác	643.207.740.123	2.223.690.592.954
	<b><u>1.945.161.369.550</u></b>	<b><u>3.172.296.604.392</u></b>

**Trong đó bao gồm phải thu của khách hàng là các bên liên quan:****Công ty con**

Công Ty TNHH Một Thành Viên Địa Vật Lý Giếng Khoan Dầu Khí	20.072.592.819	15.049.971.868
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Giếng Khoan Dầu Khí PVD	13.083.199.072	1.988.348.977
Công ty TNHH MTV Khoan dầu khí nước sâu PVD	381.149.621.155	262.799.238.782

**Công ty liên doanh**

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling	3.003.254.590	9.025.245.560
Công ty TNHH PV Drilling Expro International	2.454.967.008	626.051.420
Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	8.246.594.624	20.481.047.756

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu lãi được chia từ công ty liên doanh	-	43.230.340.992
Phải thu người lao động	164.940.150	-
Ký quỹ	2.864.979.200	946.934.220
Phải thu lãi tiền gửi	5.701.963.250	5.821.743.936
Phải thu nội bộ từ các công ty con	189.600.711.700	467.898.699.335
Các khoản phải thu khác	39.246.102.200	16.159.605.403
	<b><u>237.578.696.500</u></b>	<b><u>534.057.323.886</u></b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc <u>USD</u>	Dự phòng <u>USD</u>	Giá gốc <u>USD</u>	Dự phòng <u>USD</u>
Nguyên liệu, vật liệu	457.863.304.900	(104.236.899.050)	417.832.950.534	(39.216.971.592)
Công cụ, dụng cụ	336.705.100	-	1.801.427.094	-
	<b><u>458.200.010.000</u></b>	<b><u>(104.236.899.050)</u></b>	<b><u>419.634.377.628</u></b>	<b><u>(39.216.971.592)</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo***10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu dài hạn nội bộ từ các công ty con (*)	-	598.283.641.950
Các khoản phải thu dài hạn khác	<u>11.803.334.450</u>	<u>13.314.655.740</u>
	<u><b>11.803.334.450</b></u>	<u><b>611.598.297.690</b></u>

(\*) Phải thu dài hạn nội bộ từ các công ty con thể hiện các khoản phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là "PVD Deepwater"), một công ty con của Tổng Công ty, nhằm ứng vốn tham gia dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (gọi tắt là "TAD") với các đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt là "BCC") bao gồm Petrovietnam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Quân đội (gọi tắt là "MBBank") và Ngân hàng TMCP Đại Dương (gọi tắt là "OceanBank") với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Trong năm 2015, Tổng Công ty điều chuyển các khoản vay cho Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD dẫn đến giảm các khoản vay tại Tổng Công ty và giảm khoản phải thu dài hạn với Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo*

**MÃ SỐ B 09-DN****11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUỒN GIÁ	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2015	255.213.049.602	11.296.875.741.420	47.845.567.080	41.344.099.866	1.041.967.578	11.642.320.425.546
Tăng trong năm	-	109.190.293.355	4.203.164.648	3.944.640.141	-	117.338.098.144
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	46.159.034.815	-	-	-	46.159.034.815
Thanh lý	-	-	(1.350.325.573)	-	-	(1.350.325.573)
Chênh lệch tỷ giá	9.598.282.648	556.814.981.260	2.698.222.895	2.412.391.393	97.684.222	571.621.562.418
Tại ngày 31/12/2015	264.811.332.250	12.009.040.050.850	53.396.629.050	47.701.131.400	1.139.651.800	12.376.088.795.350

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2015	56.158.425.762	3.689.540.247.552	37.603.295.400	34.611.178.728	896.963.628	3.818.810.111.070
Khấu hao trong năm	8.520.114.254	675.764.834.674	3.281.865.763	4.487.955.648	187.217.222	692.241.987.561
Thanh lý	-	-	(1.342.176.169)	-	-	(1.342.176.169)
Chênh lệch tỷ giá	(1.359.998.766)	162.952.052.574	2.134.833.856	2.044.307.124	55.470.950	165.826.665.738
Tại ngày 31/12/2015	63.318.541.250	4.528.257.134.800	41.677.818.850	41.143.441.500	1.139.651.800	4.675.536.588.200

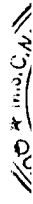
**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 31/12/2015	201.492.791.000	7.480.782.916.050	11.718.810.200	6.557.689.900	-	7.700.552.207.150
Tại ngày 31/12/2014	199.054.623.840	7.607.335.493.868	10.242.271.680	6.732.921.138	145.003.950	7.823.510.314.476

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria sang Đô la Mỹ và chuyển đổi báo cáo từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình là giàn PV Drilling II với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.896.270.066.350 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giàn PV Drilling II và PV Drilling III: 6.306.780.852.744 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 93.184.896.739 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 76.902.000.354 đồng).





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	130.066.269.828	56.098.427.058	34.007.579.868	220.172.276.754
Tăng trong năm	-	9.054.294.542	-	9.054.294.542
Chênh lệch tỷ giá	7.370.789.272	3.340.365.050	1.927.192.232	12.638.346.554
Tại ngày 31/12/2015	<u>137.437.059.100</u>	<u>68.493.086.650</u>	<u>35.934.772.100</u>	<u>241.864.917.850</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	14.869.331.790	33.528.606.310	27.816.138.020	76.214.076.120
Khấu hao trong năm	2.276.706.882	10.381.749.207	6.384.072.219	19.042.528.308
Chênh lệch tỷ giá	899.069.278	2.037.902.333	1.734.561.861	4.671.533.472
Tại ngày 31/12/2015	<u>18.045.107.950</u>	<u>45.948.257.850</u>	<u>35.934.772.100</u>	<u>99.928.137.900</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2015	<u>119.391.951.150</u>	<u>22.544.828.800</u>	<u>-</u>	<u>141.936.779.950</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>115.196.938.038</u>	<u>22.569.820.748</u>	<u>6.191.441.848</u>	<u>143.958.200.634</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện bằng Dinar Algeria sang Đô la Mỹ và chuyển đổi báo cáo từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với giá trị là 61.225.341.864 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 23.219.184.007 đồng).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Xây dựng cơ bản hình thành thiết bị khoan	264.371.200	45.022.292.370
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	-	173.707.296
Dự án ERP giai đoạn 3	8.117.201.600	-
Khác	-	332.499.900
	<u>8.381.572.800</u>	<u>45.528.499.566</u>

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại Số 43A, Đường 30 tháng 4, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Offshore bao gồm chế tạo, sửa chữa, kiểm định, bảo dưỡng vật tư thiết bị và phương tiện chuyên ngành dầu khí; cung ứng lao động có chuyên môn khoan, khai thác dầu khí cho các nhà thầu hoạt động trong và ngoài nước; tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu cho các phương tiện và hoạt động có rủi ro gây tràn dầu.

011  
CH  
GI  
ÁCH  
DE  
VII  
7-

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo*

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (gọi tắt là “PVD Well”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại Phòng 13, Lầu 12A, Tòa nhà Vincom Center, Số 47, Đường Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Well bao gồm cung cấp dịch vụ kéo thả ống chống, cho thuê thiết bị khoan, dịch vụ kỹ thuật giếng khoan, cung cấp vật tư thiết bị chuyên ngành phục vụ công tác dịch vụ giếng khoan.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (gọi tắt là “PVD Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Logging bao gồm cung cấp dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan dầu khí, thử giếng khoan dầu khí, thử vỉa, bơm trám xi măng, cung ứng nhân lực, vật tư, thiết bị cho các dịch vụ có liên quan.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, gọi tắt là “PVD Tech”) được chuyển đổi hình thức từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số 0305124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại Lầu 8, Tòa nhà Green Power, Số 35, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Tech bao gồm cung cấp vật tư thiết bị cho ngành dầu khí và các ngành công nghiệp khác, thực hiện các dịch vụ lắp đặt, kiểm tra sửa chữa, bảo dưỡng giàn khoan, giàn sửa giếng, giàn khai thác dầu khí.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500677518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 8 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu Công nghiệp Đông Xuyên, Đường 30 tháng 4, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Training bao gồm đào tạo, giới thiệu và cung ứng nhân lực ngành dầu khí trong và ngoài nước, cho thuê nhà và văn phòng, kho bãi.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD (gọi tắt là “PVD Deepwater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Deepwater đặt tại Lầu 5, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Deepwater bao gồm dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung ứng dàn khoan biển nước sâu phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí; cung ứng vật tư thiết bị, máy móc ngành dầu khí và các ngành nghề khác có liên quan; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm tự nhiên và khoa học kỹ thuật; tư vấn về công nghệ trong lĩnh vực dầu khí.

Công ty PV Drilling Overseas Company Private Limited (gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo Hợp đồng Liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy Đăng ký Doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Trụ sở đăng ký của PVD Overseas đặt tại Số 9 Temasek Boulevard, #31\_00 Suntec Tower 2, Singapore. Hoạt động chính của PVD Overseas bao gồm đầu tư, cho thuê giàn khoan, cung cấp dịch vụ khoan và các dịch vụ liên quan đến hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí.

10-00  
HÀNG  
TY  
NHỮ  
TIT  
NAI  
HỒ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo*

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	31/12/2015				31/12/2014			
	Tỷ lệ sở hữu /biểu quyết	Vốn điều lệ đăng ký (nguyên tệ)	Vốn điều lệ đã góp của các bên (nguyên tệ)	Giá trị khoản đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu /biểu quyết	Vốn điều lệ đăng ký (nguyên tệ)	Vốn điều lệ đã góp của các bên (nguyên tệ)	Giá trị khoản đầu tư VND
PVD Offshore	100	130.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000	100	130.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
PVD Well	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	80.000.000.000	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	80.000.000.000
PVD Logging	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	80.000.000.000	100	80.000.000.000 VND	80.000.000.000 VND	80.000.000.000
PVD Tech	97	200.000.000.000	200.000.000.000	194.000.000.000	97	200.000.000.000	200.000.000.000	194.000.000.000
PVD Training	52	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	19.755.753.400	52	28.958.670.000 VND	28.958.670.000 VND	19.755.753.400
PVD Deepwater	100	764.000.000.000	764.000.000.000	764.000.000.000	100	764.000.000.000	764.000.000.000	764.000.000.000
PVD Overseas	81,6	41.961.000 USD	66.698.050 USD	1.184.832.000.000	81,6	41.961.000 USD	51.141.000 USD	886.570.084.800
				248.016.228.400				132.231.654.944
				<u>2.700.603.981.800</u>				<u>2.286.557.493.144</u>

Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc niên độ kế toán do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con:** Hoạt động của các công ty con trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng chuyển đổi, ngoại trừ việc Tổng Công ty mua lại khoản đầu tư góp vốn liên doanh vào Công ty TNHH Vietubes từ PVD Tech như trình bày tại Thuyết minh số 15. Các công ty con đều kinh doanh có lãi nên Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

**Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và các công ty con:** Xem thuyết minh số 36.

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh đồng kiểm soát của Tổng Công ty với tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ là 50%:

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ-PV Drilling (gọi tắt là "BJ-PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492021000003 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại Số 65A, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của BJ-PVD bao gồm cung cấp trọn gói toàn bộ các dịch vụ như bơm trám xi măng, kích vỉa, kéo thả ống mềm và bơm nitor... cùng với các giải pháp kỹ thuật, dịch vụ phòng thí nghiệm và cung cấp hóa chất. Tổng vốn điều lệ của BJ - PVD là 5 triệu Đô la Mỹ, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (gọi tắt là "PVD-Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000556 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại Lầu 10, Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, Đường Pasteur, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD-Baker Hughes bao gồm cung cấp dịch vụ khoan định hướng và khảo sát, dịch vụ đo trong khi khoan, dịch vụ lấy mẫu lõi, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ treo đầu ống chống lừng, dịch vụ cứu kẹt, dịch vụ choòng khoan, dịch vụ ép vỉa nhân tạo, dịch vụ hoàn thiện giếng thông minh và dịch vụ công nghệ khai thác mỏ. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu Đô la Mỹ tương đương 370.880.000.000 đồng, trong đó Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.

Công ty TNHH Cản ống Khoan Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008, và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của PVD Tubulars bao gồm cung cấp các sản phẩm cản khoan, ống chống, ống khai thác và cung cấp dịch vụ quản lý ống chống trọn gói cho tất cả các công ty dầu khí đang hoạt động thăm dò, khai thác trong bờ, ngoài khơi và cả những vùng nước sâu tại Việt Nam. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 57.995.000.000 đồng tương đương 3,5 triệu Đô la Mỹ. Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo*

Công ty TNHH Vietubes (gọi tắt là “Vietubes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Vietubes đặt tại Đường số 11, Khu công nghiệp Đông Xuyên, Phường Rạch Dừa, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của Vietubes bao gồm ren, gia công, sửa chữa, phục hồi và kiểm tra, kiểm định các loại cần khoan ống chống, chế tạo đầu nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ cho hoạt động khoan thăm dò, khai thác dầu khí; gia công kim loại, bao gồm cắt, định dạng và ô định cấu trúc kim loại; gia công cơ khí chính xác chi tiết lớn trên máy tự động. Tổng vốn điều lệ của Vietubes là 77.297.205.000 đồng tương đương 3.707.300 Đô la Mỹ. Trong năm 2015, Tổng Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết để nhận chuyển nhượng toàn bộ giá trị đầu tư tại Vietubes từ PVD Tech. Theo đó, từ ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này.

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
	Giá gốc	Giá gốc
BJ-PVD	48.039.113.955	48.039.113.955
PVD-Baker Hughes	211.753.000.000	211.753.000.000
PVD Tubulars	30.515.952.000	30.515.952.000
Vietubes	86.787.891.394	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	27.597.755.351	8.196.321.905
	<u><b>404.693.712.700</b></u>	<u><b>298.504.387.860</b></u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày kết thúc niên độ kế toán do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên doanh: Hoạt động của các công ty liên doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 diễn ra bình thường và không có sự kiện quan trọng ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng chuyển đổi. Các công ty liên doanh đều kinh doanh có lãi nên Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty liên doanh trong năm: Xem thuyết minh số 37.

**16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời bao gồm dự phòng giảm giá hàng tồn kho và chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện khi đánh giá lại các tài khoản tiền và các khoản phải thu.

	Các khoản dự phòng	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2014	8.627.724.402	(17.294.244)	8.610.430.158
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	15.720.901.340	4.561.738.424	20.282.639.764
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	860.322.108	130.364.220	990.686.328
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<u><b>25.208.947.850</b></u>	<u><b>4.674.808.400</b></u>	<u><b>29.883.756.250</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo***17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Các khoản phải trả người bán</b>				
Công ty TNHH PV Drilling Overseas	361.083.667.250	361.083.667.250	-	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Biển PVD	197.724.042.150	197.724.042.150	127.876.083.426	127.876.083.426
UMW Offshore Drilling SDN BHD	94.798.402.700	94.798.402.700	392.337.113.154	392.337.113.154
Phải trả cho các đối tượng khác	319.387.753.700	319.387.753.700	879.892.467.000	879.892.467.000
	<b>972.993.865.800</b>	<b>972.993.865.800</b>	<b>1.400.105.663.580</b>	<b>1.400.105.663.580</b>
<b>b) Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	197.724.042.150	197.724.042.150	127.876.083.426	127.876.083.426
Công ty CP TM-DV-Kỹ thuật Dầu Khí PVD	8.580.143.050	8.580.143.050	5.707.461.702	5.707.461.702
Công ty TNHH PV Drilling Overseas	361.083.667.250	361.083.667.250	-	-
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	16.504.364.450	16.504.364.450	12.618.148.122	12.618.148.122

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	15.662.164.423	151.600.578.048
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.081.072.643	118.081.401.228
Thuế thu nhập cá nhân	14.663.950.268	31.692.233.280
Các loại thuế khác	43.700.355.016	53.626.837.386
	<b>97.107.542.350</b>	<b>355.001.049.942</b>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước trong năm của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	Chênh lệch	
				tỷ giá	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	151.600.578.048	274.912.643.001	410.895.431.095	44.374.469	15.662.164.423
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.837.646.332	4.837.646.332	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	118.081.401.228	243.807.204.359	335.365.070.574	(3.442.462.370)	23.081.072.643
Thuế thu nhập cá nhân	31.692.233.280	322.614.507.141	339.656.354.771	13.564.618	14.663.950.268
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Các loại thuế khác	53.626.837.386	748.429.047.418	758.231.253.961	(124.275.827)	43.700.355.016
	<b>355.001.049.942</b>	<b>1.594.606.048.251</b>	<b>1.848.990.756.733</b>	<b>(3.508.799.110)</b>	<b>97.107.542.350</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo***19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí hoạt động của các giàn khoan	110.603.292.500	803.789.167.524
Trích trước chi phí liên quan đến hoạt động cung ứng hàng hóa và dịch vụ	16.832.112.000	45.752.517.390
Trích trước chi phí lãi vay	12.595.684.750	26.081.780.814
Các khoản khác	53.636.484.850	50.260.791.114
	<b><u>193.667.574.100</u></b>	<b><u>925.884.256.842</u></b>

**20. VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2014				Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng		Giảm		Giá trị	Số có khả năng
		<u>VND</u>	trả nợ				
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	844.509.952.242	844.509.952.242	455.656.040.223	(949.639.770.670)	35.613.778.205	386.140.000.000	386.140.000.000

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Dự phòng quỹ lương	Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định	Dự phòng trợ cấp thôi việc	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2015	75.723.590.964	274.755.099.156	-	350.478.690.120
Trích lập dự phòng trong năm	65.976.632.783	9.813.174.929	10.098.907.930	85.888.715.642
Sử dụng trong năm	(37.694.082.387)	(105.439.005.685)	-	(143.133.088.072)
Hoàn nhập dự phòng	(36.394.172.310)	-	-	(36.394.172.310)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b><u>67.611.969.050</u></b>	<b><u>179.129.268.400</u></b>	<b><u>10.349.225.500</u></b>	<b><u>256.840.145.380</u></b>

Dự phòng quỹ lương được trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt cho các giàn khoan theo Quyết định của Tổng Công ty.

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi kỳ căn cứ vào chi phí ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn sẽ phát sinh trong vòng một năm tiếp theo theo yêu cầu kỹ thuật cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan và được duyệt theo Quyết định của Tổng Công ty.

**22. VAY DÀI HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay dài hạn	1.328.776.818.650	2.866.796.652.342
Vay dài hạn đến hạn trả (đã trình bày tại Vay ngắn hạn)	(386.140.000.000)	(844.509.952.242)
	<b><u>942.636.818.650</u></b>	<b><u>2.022.286.700.100</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo

	31/12/2014					31/12/2015		
	Giá trị VND	Số có khả năng		Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi VND	Số có khả năng	
		trả nợ VND					trả nợ VND	
Vay dài hạn	2.022.286.700.100	2.022.286.700.100	-	(1.165.366.371.211)	85.716.489.761	942.636.818.650	942.636.818.650	

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (“HSBC”)	-	122.164.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”)	1.328.776.818.650	1.750.421.333.142
MBBank và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”)	-	841.239.619.200
Ngân hàng Standard Chartered (“Standard Chartered”)	-	152.971.200.000
	<b>1.328.776.818.650</b>	<b>2.866.796.652.342</b>

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ	Dư nợ
				31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	1.328.776.818.650	1.622.945.333.142
BIDV	Giàn PV Drilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	-	127.476.000.000
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PV Drilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PetroVietnam bảo lãnh và giàn PV Drilling III	-	122.164.500.000
MB và Vietinbank	Giàn PV Drilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu từ BCC theo tỷ lệ góp vốn	-	841.239.619.200
Standard Chartered	Giàn PV Drilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu từ BCC theo tỷ lệ góp vốn	-	152.971.200.000
				<b>1.328.776.818.650</b>	<b>2.866.796.652.342</b>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	386.140.000.000	844.509.952.242
Trong năm thứ hai	386.140.000.000	594.869.452.242
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	556.496.818.650	1.350.940.911.114
Sau năm năm	-	76.476.336.744
	<b>1.328.776.818.650</b>	<b>2.866.796.652.342</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<b>(386.140.000.000)</b>	<b>(844.509.952.242)</b>
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>942.636.818.650</b>	<b>2.022.286.700.100</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo***23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**Dự phòng sửa chữa lớn  
tài sản cố định  
VND

Tại ngày 01/01/2015

50.416.566.786

Trích lập dự phòng trong năm

86.775.607.714

**Tại ngày 31/12/2015****137.192.174.500**

Dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được trích đều mỗi năm căn cứ vào chi phí ước tính phải trả liên quan đến chi phí sửa chữa lớn sẽ phát sinh trong tương lai theo yêu cầu kỹ thuật cho các giàn khoan của Tổng Công ty.

**24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế để phát triển các hoạt động khoa học công nghệ.

Tình hình trích lập và sử dụng quỹ trong năm như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>669.463.542.108</b>	<b>375.099.100.584</b>
- Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ khả dụng	669.463.542.108	375.099.100.584
- Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ đã hình thành TSCĐ	-	-
<b>Tăng trong năm:</b>	<b>123.133.792.157</b>	<b>291.609.430.502</b>
- Trích lập trong kỳ	123.133.792.157	200.484.369.160
- Nhận từ Công ty con	-	91.125.061.342
<b>Giảm trong năm (*):</b>	<b>(50.329.326.689)</b>	<b>(527.000.000)</b>
- Công ty mẹ sử dụng	(11.063.002.735)	(527.000.000)
<i>Trong đó: Chi đầu tư TSCĐ</i>	8.680.506.950	-
- Cấp cho Công ty con sử dụng	(47.946.830.904)	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	40.931.156.074	3.282.011.022
<b>Tại ngày cuối năm:</b>	<b>783.199.163.650</b>	<b>669.463.542.108</b>
- Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ khả dụng	774.518.656.700	669.463.542.108
- Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ đã hình thành TSCĐ	<u>8.680.506.950</u>	<u>-</u>

(\*) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, số Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ đã sử dụng lũy kế của Tổng Công ty là 60.104.219.840 đồng.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo***25. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần 11, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.484.662.590.000 đồng, tương đương 181.630.323 Đô la Mỹ. Số cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phần	VND	Số lượng cổ phần	VND
<b>Số cổ phần được duyệt</b>	<b>348.466.259</b>	<b>3.484.662.590.000</b>	<b>303.073.350</b>	<b>3.030.733.500.000</b>
<b>Số cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phần phổ thông	328.314.259	3.283.142.590.000	282.921.350	2.829.213.500.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	20.152.000	201.520.000.000
	<b>348.466.259</b>	<b>3.484.662.590.000</b>	<b>303.073.350</b>	<b>3.030.733.500.000</b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phần phổ thông	(416.000)	(4.160.000.000)	(36.450)	(364.500.000)
	<b>(416.000)</b>	<b>(4.160.000.000)</b>	<b>(36.450)</b>	<b>(364.500.000)</b>
<b>Số cổ phần hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phần phổ thông	327.898.259	3.278.982.590.000	282.884.900	2.828.849.000.000
Cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu	20.152.000	201.520.000.000	20.152.000	201.520.000.000
	<b>348.050.259</b>	<b>3.480.502.590.000</b>	<b>303.036.900</b>	<b>3.030.369.000.000</b>

Cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 đồng. Các cổ phần phổ thông bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phần này không được bán lại các cổ phần mà họ nắm giữ trong vòng từ 1 năm đến 3 năm đầu tiên kể từ ngày phát hành. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cổ phần phổ thông bị hạn chế chuyển giao quyền sở hữu bao gồm số cổ phần phổ thông của Petrovietnam bị hạn chế 3 năm kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2013.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty là Petrovietnam hiện sở hữu 175.617.690 cổ phần tương ứng với tỷ lệ 50,40% tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 50,39% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 so với tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MÃU SỐ B 09-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo*

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	2.755.286.950.000	2.446.049.927.854	(11.963.553.191)	829.379.758.528	537.326.744.072	285.673.645.424	2.627.522.369.161	9.469.275.841.848
Chia cổ tức	275.446.550.000	-	-	-	-	-	(826.431.040.000)	(550.984.490.000)
Thường cổ phiếu quỹ	-	(11.963.553.191)	11.963.553.191	-	-	-	-	(364.500.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(364.500.000)	-	-	-	-	90.099.414.829
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	90.099.414.829	-	-	-	2.106.630.783.298
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	147.725.067.083	30.216.358.813	2.106.630.783.298	2.106.630.783.298
Phân phối quỹ	-	-	-	-	25.758.694.865	-	(397.454.172.152)	(219.512.746.256)
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	710.810.506.020	315.890.004.237	3.510.267.940.307	10.920.902.998.584
<b>Số dư tại ngày 31/12/2014</b>	<b>3.030.733.500.000</b>	<b>2.434.086.374.663</b>	<b>(364.500.000)</b>	<b>919.479.173.357</b>	<b>710.810.506.020</b>	<b>315.890.004.237</b>	<b>3.510.267.940.307</b>	<b>10.920.902.998.584</b>
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	-	315.890.004.237	(315.890.004.237)	-	-
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>3.030.733.500.000</b>	<b>2.434.086.374.663</b>	<b>(364.500.000)</b>	<b>919.479.173.357</b>	<b>1.026.700.510.257</b>	<b>-</b>	<b>3.510.267.940.307</b>	<b>10.920.902.998.584</b>
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(20.584.059.850)	-	-	-	-	(20.584.059.850)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	611.891.251.999	-	-	-	611.891.251.999
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.526.839.363.405	1.526.839.363.405
Phân phối quỹ	-	-	-	-	101.356.087.271	-	(252.984.642.933)	(151.628.555.662)
Kết chuyển từ công ty con	-	-	-	-	48.132.497.774	-	-	48.132.497.774
Chia cổ tức	453.929.090.000	-	-	-	-	-	(907.915.115.000)	(453.986.025.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>3.484.662.590.000</b>	<b>2.434.086.374.663</b>	<b>(20.948.559.850)</b>	<b>1.531.370.425.356</b>	<b>1.176.189.095.302</b>	<b>-</b>	<b>3.876.207.545.779</b>	<b>12.481.567.471.250</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo*

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã mua lại 379.550 cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 01/12/2014/NQ-HDQT ngày 18 tháng 12 năm 2014.

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của chi nhánh Algeria từ Dinar Algeria sang Đô la Mỹ và chuyển đổi báo cáo từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam.

Trong năm 2015, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong năm theo Điều lệ của Tổng Công ty. Theo quy định của Thông tư 200, Tổng Công ty không trích lập dự phòng tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và số dư quỹ dự phòng tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được chuyển vào quỹ đầu tư phát triển. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cố đồng xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2014 là 30% vốn điều lệ với 15% bằng tiền mặt và 15% bằng cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện việc chia 15% cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với số tiền là 20.579.602 Đô la Mỹ, tương đương 453.986.025.000 đồng. Tổng Công ty cũng tăng vốn điều lệ thêm 20.535.132 Đô la Mỹ, tương đương 453.929.090.000 đồng từ việc thanh toán 15% cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu.

**26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày ở Thuyết minh số 35.

**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2015	31/12/2014
Đồng Việt Nam ("VND")	1.895.618.540.719	1.941.355.519.230
Euro ("EUR")	8.125	9.056
Bảng Anh ("GBP")	2.772	7.145
Đô la Singapore ("SGD")	36.342	17.493
Dinar Algeria ("DZD")	27.853.768	57.432.042

**27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ khoan	7.412.360.160.088	11.298.461.570.520
Doanh thu bán hàng và cung cấp các dịch vụ khác	1.407.384.950.041	2.183.242.612.818
	<u>8.819.745.110.129</u>	<u>13.481.704.183.338</u>

Doanh thu với các bên liên quan: xem Thuyết minh số 37.

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ khoan	6.001.995.802.841	9.199.316.856.454
Giá vốn hàng bán và cung cấp các dịch vụ khác	1.105.368.716.918	1.774.751.306.291
	<u>7.107.364.519.759</u>	<u>10.974.068.162.745</u>

Giá vốn với các bên liên quan: xem Thuyết minh số 37.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo***29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	312.017.523.461	253.687.817.187
Chi phí nhân công	1.882.335.622.138	2.511.796.811.406
Chi phí khấu hao tài sản cố định	711.284.537.776	672.426.744.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.594.935.382.221	7.951.846.707.933
Chi phí khác	269.068.280.379	370.904.161.681
	<u><b>7.769.641.345.975</b></u>	<u><b>11.760.662.242.977</b></u>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	83.257.619.221	81.335.183.733
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty con	513.278.381.160	629.380.006.723
Thu nhập từ đầu tư góp vốn liên doanh	237.642.557.437	184.936.944.073
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.289.372.904	31.727.137.628
	<u><b>869.467.930.722</b></u>	<u><b>927.379.272.157</b></u>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	30.722.201.544	61.451.718.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	19.397.684.592	295.366.934
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	126.941.820.246	80.199.990.009
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(17.745.005.003)
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	13.460.957.818
Chi phí tài chính khác	-	542.598.744
	<u><b>177.061.706.382</b></u>	<u><b>138.205.627.246</b></u>

**32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân công	252.424.130.431	254.804.251.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.076.011.200	26.788.042.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.095.515.547	120.627.593.598
Chi phí khác	253.271.997.052	357.237.572.136
	<u><b>629.867.654.230</b></u>	<u><b>759.457.459.948</b></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo***33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.750.361.676.364</b>	<b>2.554.680.088.832</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	750.920.955.684	814.316.950.796
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	109.104.436.317	55.758.281.050
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.108.545.156.997</b>	<b>1.796.121.419.086</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	243.807.204.359	396.959.050.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của các năm trước	-	61.607.423.202
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi	(2.251.636)	(1.946.049.930)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>243.804.952.723</b>	<b>456.620.424.211</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 22% tính trên thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty.

**34. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng chuyển đổi, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

**35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****Cam kết thuê văn phòng, nhà kho và thuê đất:**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>18.014.980.473</u>	<u>16.136.010.232</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.823.635.550	17.764.354.242
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.652.630.950	19.985.134.884
	<u>22.476.266.500</u>	<u>37.749.489.126</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng phải trả liên quan đến các hợp đồng thuê văn phòng của Tổng công ty với thời gian thuê trên 1 năm.

**Cam kết thuê giàn khoan phục vụ hoạt động kinh doanh:**

Để phục vụ hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty thuê các giàn khoan và cho khách hàng thuê lại theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê được tính theo đơn giá thuê và số ngày hoạt động thực tế của các giàn khoan.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, chênh lệch tỷ giá hối đoái, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	1.328.776.818.650	2.866.796.652.342
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>2.578.886.390.250</u>	<u>2.322.893.294.676</u>
Nợ thuần	-	543.903.357.666
Vốn chủ sở hữu	<u>12.481.567.471.250</u>	<u>10.920.902.998.584</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u>-</u>	<u><b>0,05</b></u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.578.886.390.250	2.322.893.294.676
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	586.743.501.600	9.937.327.842
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.207.608.671.900	4.303.487.354.280
Các khoản ký quỹ	<u>14.668.291.200</u>	<u>14.261.589.960</u>
	<u><b>5.387.906.854.950</b></u>	<u><b>6.650.579.566.758</b></u>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	1.328.776.818.650	2.866.796.652.342
Phải trả người bán và phải trả khác	1.272.197.694.658	1.418.255.037.834
Chi phí phải trả	<u>193.667.574.100</u>	<u>925.884.256.842</u>
	<u><b>2.794.642.087.408</b></u>	<u><b>5.210.935.947.018</b></u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đồng Việt Nam (VND)	425.530.994.500	327.933.209.810	2.041.481.478.150	4.190.611.520.496
Dinar Algeria (DZD)	14.782.202.500	8.857.252.341	13.669.715.200	18.915.292.554
Đô la Singapore (SGD)	1.420.523.750	1.042.750.120	198.368.200	7.146.283.314
Euro (EUR)	-	1.529.632.178	-	1.406.293.986
Bath Thái (THB)	10.394.350	96.417.950	-	-
Bảng Anh (GBP)	-	312.797.232	-	3.205.575.234
Đô la Úc (AUD)	-	86.214.196	-	52.265.160

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Việt Nam.

Tỷ lệ thay đổi 3% (năm 2014: 2%) được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% (năm 2014: 2%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ tăng/giảm 3% (năm 2014: 2%) thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng là 48.478.514.510 đồng (năm 2014: 77.253.557.916 đồng).

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo****Độ nhạy của lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 3.986.334.250 đồng (năm 2014: 8.600.380.800 đồng).

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2015</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.578.886.390.250	-	-	2.578.886.390.250
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	586.743.501.600	-	-	586.743.501.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.207.608.671.900	-	-	2.207.608.671.900
Các khoản ký quỹ	2.864.979.200	11.803.312.000	-	14.668.291.200
	<b>5.376.103.542.950</b>	<b>11.803.312.000</b>	-	<b>5.387.906.854.950</b>
Các khoản vay	386.140.000.000	942.636.818.650	-	1.328.776.818.650
Phải trả người bán và phải trả khác	1.272.197.694.658	-	-	1.272.197.694.658
Chi phí phải trả	193.667.574.100	-	-	193.667.574.100
	<b>1.852.005.268.758</b>	<b>942.636.818.650</b>	-	<b>2.794.642.087.408</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>3.524.098.274.192</b>	<b>(930.833.506.650)</b>	-	<b>2.593.264.767.542</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo*

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.322.893.294.676	-	-	2.322.893.294.676
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	9.937.327.842	-	-	9.937.327.842
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.691.889.056.590	611.598.297.690	-	4.303.487.354.280
Các khoản ký quỹ	946.934.220	13.314.655.740	-	14.261.589.960
	<b>6.025.666.613.328</b>	<b>624.912.953.430</b>	<b>-</b>	<b>6.650.579.566.758</b>
Các khoản vay	844.509.952.242	1.945.810.363.356	76.476.336.744	2.866.796.652.342
Phải trả người bán và phải trả khác	1.418.255.037.834	-	-	1.418.255.037.834
Chi phí phải trả	925.884.256.842	-	-	925.884.256.842
	<b>3.188.649.246.918</b>	<b>1.945.810.363.356</b>	<b>76.476.336.744</b>	<b>5.210.935.947.018</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>2.837.017.366.410</b>	<b>(1.320.897.409.926)</b>	<b>(76.476.336.744)</b>	<b>1.439.643.619.740</b>

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

**Bên liên quan**

Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam  
 Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty  
 Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam  
 Các công ty liên doanh của Tổng Công ty

**Mối quan hệ**

Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam  
 Công ty con  
 Công ty có cùng vốn đầu tư từ Petrovietnam  
 Công ty liên doanh

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015 VND	2014 VND
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	31.640.082.937	3.999.339.347
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	582.763.117.570	655.321.945.587
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	8.127.826.875.606	9.346.181.603.366
<i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị giao dịch:</i>		
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	1.688.543.671.298	1.411.630.907.166
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	94.543.162.963	51.980.600.142
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	189.098.967.579	110.742.297.210
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	1.099.225.479.742	420.440.703.017
<i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị giao dịch:</i>		
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD	381.742.115.339	279.378.522.639
Công ty TNHH PV Drilling Overseas	633.022.130.788	-
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	67.852.879.705	19.914.088.741

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	10.621.723.600	2.155.746.636
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	390.924.319.500	1.324.373.064.312
<i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị số dư:</i>		
<i>Công ty TNHH MTV Khoan Dầu khí nước sâu PVD</i>	381.149.621.155	262.799.238.782
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	1.110.868.295.800	2.154.937.673.304
<i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị số dư:</i>		
<i>Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long</i>	461.064.688.320	424.860.065.034
<i>Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước - (Lô 09-2/09)</i>	253.553.995.210	396.067.932
<i>Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (Lô 05.1a)</i>	206.185.324.742	260.550.639.690
Các công ty liên doanh của Tổng Công ty	<u>13.704.816.222</u>	<u>30.132.344.736</u>
	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>

**Các khoản phải trả**

Các công ty thành viên thuộc Petrovietnam	70.322.133.050	45.987.816.840
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	583.892.216.900	146.201.693.250
<i>Trong đó chi tiết chiếm hơn 10% trên tổng giá trị số dư:</i>		
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (PVD-Offshore)</i>	197.724.042.150	43.756.540.674
<i>Công ty TNHH PV Drilling Overseas</i>	361.083.667.250	-
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petrovietnam	<u>3.760.599.500</u>	<u>732.115.914</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	5.593.922.277	5.466.162.000
Tiền thưởng	2.760.602.842	1.526.644.500
Các khoản phúc lợi khác	420.000.000	315.000.000
	<u>8.774.525.119</u>	<u>7.307.806.500</u>

**38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 919.896.960 đồng (năm 2014: 7.797.299.634 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán.

Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác trong năm không bao gồm số tiền 86.787.891.394 đồng tương ứng với giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vietubes tăng trong năm bằng hình thức cán trừ công nợ với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD, một công ty con của Tổng Công ty. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo*

Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 254.438.917.221 đồng (năm 2014: 430.110.919.389 đồng) là số lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm đã bao gồm số tiền 430.110.919.389 đồng (năm 2014: 350.702.978.898 đồng) là số tiền lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia của năm trước đã thu trong năm này.

Ngoài ra, tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm số tiền 159.208.706.267 đồng (năm 2014: 102.137.107.494 đồng) là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán bằng hình thức cắt trừ công nợ. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền chi trả nợ gốc vay trong năm không bao gồm số tiền 972.765.725.873 đồng (năm 2014: 0 đồng) là số gốc vay điều chuyển cho Công ty TNHH Một thành viên Khoan Dầu khí Nước sâu PVD, một công ty con của Tổng Công ty. Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền nên không được trình bày ở báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền nhận vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm số tiền 453.929.090.000 đồng là cổ tức năm 2014 đã trả cho các cổ đông bằng việc phát hành cổ phiếu (năm 2014: 275.446.550.000 đồng). Nghiệp vụ này không ảnh hưởng đến lưu chuyển tiền, nên không được trình bày ở báo cáo trên.

**39. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay theo quy định của Thông tư 200, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Mã số	Theo QĐ	Giá trị phân	Theo TT
		15/2006/QĐ-BTC VND	loại lại VND	200/2014/TT-BTC VND
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2.907.431.836.926	264.864.767.466	3.172.296.604.392
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	792.248.042.880	(258.190.718.994)	534.057.323.886
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	239.421.174	239.421.174
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.913.469.646	(6.913.469.646)	-
5. Phải thu dài hạn khác	216	598.283.641.950	13.314.655.740	611.598.297.690
6. Tài sản dài hạn khác	268	13.314.655.740	(13.314.655.740)	-
7. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.344.917.478.900	55.188.184.680	1.400.105.663.580
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.251.055.922.784	(325.171.665.942)	925.884.256.842
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	74.845.047.618	(55.188.184.680)	19.656.862.938
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	75.723.590.964	274.755.099.156	350.478.690.120
11. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	50.416.566.786	50.416.566.786
12. Quỹ đầu tư phát triển	418	710.810.506.020	315.890.004.237	1.026.700.510.257
13. Quỹ dự phòng tài chính	418	315.890.004.237	(315.890.004.237)	-

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Mã số	Theo QĐ	Giá trị phân	Theo TT
		15/2006/QĐ-BTC VND	loại lại VND	200/2014/TT-BTC VND
1. Các khoản điều chỉnh khác	07	-	103.977.281.984	103.977.281.984
2. Thay đổi các khoản phải trả	11	1.042.395.507.330	(103.505.638.135)	938.889.869.195
3. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(127.843.251.716)	(471.643.849)	(128.314.895.565)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng chuyển đổi kèm theo*

**40. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHUYỂN ĐỔI**

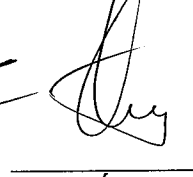
Báo cáo tài chính riêng chuyển đổi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 23 tháng 3 năm 2016.

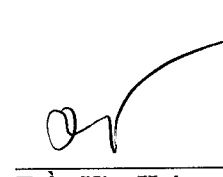


  
Phan Tiên Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2016

  
Hồ Ngọc Yên Phương  
Phó Tổng Giám đốc

  
Đoàn Khắc Tùng  
Kế toán trưởng

  
Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu

